

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MAI SƠN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2022/HNGĐ-ST
Ngày 13 tháng 02 năm 2022
V/v xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Văn Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Việt

Ông Hà Văn Sơ

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Hồng Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La;

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lan Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 ngày 10 tháng 02 năm 2021 về xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1985. Địa chỉ: Tiểu khu B, xã H, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Nơi ở hiện tại: Bản C, xã H, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Quảng B, sinh năm 1985. Địa chỉ: Tiểu khu B, xã H, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 10 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày như sau:

Chị và anh Nguyễn Quảng B kết hôn với nhau từ năm 2006 do cả hai cùng tự nguyện, không bị ép buộc. Anh chị có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La vào tháng 02/2006 và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được thời gian khoảng 12 năm thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh B thường rượu chè, không tu chí làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình, vợ con. Chị có nhiều lần nói chuyện tình cảm nhưng anh B

chửi mắng và đánh đập chị. Mâu thuẫn của anh chị từ năm 2018 nhưng vì thương con nên chị vẫn cố gắng duy trì hôn nhân. Đến tháng 04/2021, mâu thuẫn đến đỉnh điểm, anh B thường xuyên chửi mắng, xúc phạm chị và gia đình chị, đánh đập chị nên chị quyết định sống ly thân từ đó đến nay. Hiện nay, chị đang sống nhà mẹ đẻ tại Bản Nà Cang, xã H. Vợ chồng chị đã nhiều lần trao đổi về vấn đề ly hôn nhưng anh B cố tình gây khó khăn cho chị, mỗi lần chị đề cập ly hôn anh B đánh chửi chị. Nay chị xác định mâu thuẫn tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Hải S, sinh ngày 03/11/2006 và cháu Nguyễn Hải L, sinh ngày 14/8/2013. Anh B thường xuyên rượu chè, thỉnh thoảng đi làm xa nên không đảm bảo việc chăm sóc con. Vì vậy, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung. Từ lâu, một mình chị vẫn đủ khả năng nuôi dưỡng cả hai cháu và cho con học hành đầy đủ.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Tại thời điểm giải quyết ly hôn, anh B đang đi làm xa, chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt văn bản tố tụng cho bị đơn, niêm yết thông báo thụ lý và giấy triệu tập nhưng anh B không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Để có căn cứ giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại ban quản lý Tiểu khu B, xã H (nơi Chị H và anh B chung sống) về mâu thuẫn vợ chồng, con chung, tài sản chung, nợ chung. Qua xác minh được biết: Chị H và anh B kết hôn và chung sống tại Tiểu khu B, xã H. Trong thời gian chung sống tại địa phương, Chị H và anh B đã có mâu thuẫn từ lâu và ngày càng trầm trọng, nguyên nhân là do ghen tuông, anh B có đánh chửi Chị H nhiều lần. Đại diện ban quản lý tiểu khu đã nhiều lần nhắc nhở, khuyên bảo, hòa giải cho anh chị. Hiện nay, anh B không có mặt tại Tiểu khu mặc dù hộ khẩu thường trú với ở tiểu khu, có thông tin cho rằng anh B đi làm ăn và cũng không biết bao giờ về. Anh B làm nghề lái máy lu thường xuyên theo các công trình làm đường nên không biết hiện đang làm ở đâu, nhà của anh chị vẫn đang ở Tiểu khu. Các văn bản Tòa án gửi đã được đại diện ban quản lý Tiểu khu giao tận tay anh B. Về con chung: Chị H và anh B có 02 con chung, trong thời gian anh B đi làm, cả hai cháu ở cùng Chị H. Về tài sản chung: Vợ chồng có nhà của tại Tiểu khu B, xã H. Nợ chung: Không nắm được.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập anh B đến Tòa án để giải quyết, nhưng anh B không đến tòa, không gửi tài liệu thể hiện ý kiến quan điểm về việc Chị H xin ly hôn, đi làm xa trong thời gian Tòa án đang giải quyết ly hôn. Vì vậy, vụ án được đưa ra xét xử.

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Đối với bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa ngày hôm nay bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét tất cả các ý kiến của những người tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Quảng B. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hải S, sinh ngày 03/11/2006 và cháu Nguyễn Hải Minh, sinh ngày 14/8/2013 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi hai cháu đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Quảng B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng Chị H do Chị H không yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Chị H không đề nghị Tòa án giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp và có người khởi kiện thì được quyền khởi kiện bằng một vụ án khác. Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H đã cung cấp đúng và đầy đủ địa chỉ của bị đơn anh Nguyễn Quảng B trong đơn khởi kiện và các chứng cứ kèm theo. Qua xác minh xác định anh B đã biết được việc Tòa án thụ lý yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H nhưng không gửi văn bản thể hiện quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện này. Tòa án đã tiến hành thủ tục tổng đạt, niêm yết Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải kèm giấy triệu tập cho anh B nhưng anh B vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 40, khoản 4 Điều 189, Điều 195 Bộ luật

Tổ tụng Dân sự năm 2015, Điều 3 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ 02 lần đối với anh Nguyễn Quảng B về thời gian, địa điểm tham gia phiên tòa nhưng anh B đều vắng mặt không có lý do, không có đơn đề nghị hoãn phiên tòa nên Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm theo quy định chung.

[2] Về yêu cầu xin ly hôn:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Quảng B tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2006, đã được UBND xã H, Mai Sơn, Sơn La cấp giấy chứng nhận kết hôn vào tháng 6/2006. Khi kết hôn hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó anh chị là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn hai anh, chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 12 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Chị H cho rằng mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ năm 2018 do anh B thường rượu chè, không tu chí làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình, vợ con. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng vào thời điểm tháng 04/2021 khi anh B thường xuyên chửi mắng, xúc phạm chị và gia đình chị, đánh đập chị nên chị đã về nhà mẹ đẻ tại Bản N, xã H sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Quá trình xác minh về mâu thuẫn vợ chồng theo quy định tại Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đại diện chính quyền địa phương đã xác định: Chị H và anh B có mâu thuẫn từ lâu, nguyên nhân là do ghen tuông, anh B có chửi đánh Chị H nhiều lần và đại diện ban quản lý Tiểu khu đã nhiều lần nhắc nhở, khuyên bảo, hòa giải cho anh chị. Bản thân anh B khi biết Chị H có yêu cầu ly hôn đã không có biện pháp hàn gắn tình cảm, đi làm xa trong thời điểm Tòa án đang giải quyết ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng: Mâu thuẫn vợ chồng giữa Chị H và anh B đã trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị H, xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Quảng B.

[2.2] Về con chung: Căn cứ vào lời trình bày của Chị H, phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án xác định Chị H và anh B có 02 con chung là cháu Nguyễn Hải S, sinh ngày 03/11/2006 và cháu Nguyễn Hải L, sinh ngày 14/8/2013. Khi anh B đi làm xa, hai cháu do Chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng ở nhà bà ngoại của các cháu. Khi ly hôn, Chị H có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc hai con, không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng.

Qua xác minh, thấy rằng anh B làm nghề lái máy, thường xuyên đi làm xa theo các công trình. Tại thời điểm giải quyết ly hôn, anh B không có mặt tại địa phương, không cung cấp các tài liệu chứng minh khả năng nuôi con. Thu nhập của Chị H từ vườn cây ăn quả, việc chăm sóc các con chung có sự hỗ trợ từ bà ngoại. Ngoài ra, tại văn bản ghi ý kiến của con chung trên 07 tuổi, cả hai cháu đều có nguyện vọng ở cùng với mẹ khi bố mẹ ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy, để bảo đảm quyền lợi của con chung chưa thành niên, cần thiết giao cho Chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Hải S, sinh ngày 03/11/2006 và cháu Nguyễn Hải L, sinh ngày 14/8/2013 đến tuổi trưởng thành. Chị H không có yêu cầu cấp dưỡng, đây là yêu cầu tự nguyện của chị nên cần chấp nhận, không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng Chị H.

[2.3] *Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng*: Trong quá trình giải quyết vụ án, Chị H không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết về tài sản chung và nợ chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Hiện anh B không có mặt tại địa phương, chưa có ý kiến về vấn đề này. Vì vậy, để đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của các đương sự, cần chấp nhận yêu cầu của Chị H, không giải quyết về tài sản chung và nợ chung trong vụ án này. Trường hợp phát sinh tranh chấp hoặc có yêu cầu của người thứ ba thì được quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[2.4] *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 147; Điều 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Quảng B.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hải S, sinh ngày 03/11/2006 và cháu Nguyễn Hải L, sinh ngày 14/8/2013 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi hai cháu đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Quảng B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng Chị H do Chị H không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, anh B được quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh B được thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Chị H không đề nghị Tòa án giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp và có người khởi kiện thì được quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000VNĐ (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 VNĐ (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0001233 ngày 14 tháng 10 năm 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, án văn.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nông Văn Thịnh